TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 296/2020/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Ngọc G – sinh năm 1984
- Chị Triệu Thị L – sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Lô số 7, khu dân cư cạnh C, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc G và chị Triệu Thị L kết hôn ngày 25/1/2007 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là phường Đ), thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh G và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng, yêu thương nhau. Anh G và chị L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng; hai bên gia đình đã hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả. Ngày 01/8/2020, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng Anh G, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa Anh G, chị L là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh G và chị L có 02 con chung là Trần Triệu Ngọc P – sinh ngày 31/8/2007 và Trần Ngọc Như Y – sinh ngày 26/7/2015. Sau khi ly hôn, Anh G và chị L thỏa thuận để Anh G nuôi cả hai con chung; không yêu cầu Tòa án

giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn của Anh G và chị L là tự nguyện, phù hợp với Điều 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận

[3] Về tài sản chung: Anh G và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh G và chị L đều xác định không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh G và chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc G và chị Triệu Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Trần Ngọc G nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Triệu Ngọc P – sinh ngày 31/8/2007 và Trần Ngọc Như Y – sinh ngày 26/7/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh G và chị L mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng Anh G và chị L đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001528 ngày 31/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh G và chị L đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND P.Đ, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương Giang